

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

Báo cáo chuẩn bị phát hành

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Xuân Đức	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông Vũ Hữu Thịnh	Thành viên
Ông Đặng Hùng	Thành viên
Ông Hồ Ngân Chi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Sơn	Trưởng ban
Ông Phan Thị Thu Thảo	Thành viên
Ông Trần Thị Hồng Khang	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hữu Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Đức	Giám đốc tài chính

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,

Nguyễn Xuân Đức
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc

Báo cáo chuẩn bị phát hành

Số. 27/2013/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ Tầng Mạng ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN(TIẾP)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 0299/KTV

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL-Văn phòng Hà Nội
Thành viên hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Hoàng Thị Vinh
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: 01678/KTV

Báo cáo chuẩn bị phát hành

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.708.360.637	18.867.474.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.013.513.875	591.504.609
1. Tiền	111		2.013.513.875	591.504.609
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.715.305.569	14.451.646.559
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	3.899.727.437	6.416.153.957
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	6.431.790.674	6.273.407.865
3. Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.577.361.876	1.762.084.737
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(193.574.418)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	521.587.440
1. Hàng tồn kho	141		-	521.587.440
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.979.541.193	3.302.735.790
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	1.829.685.714	596.723.202
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.5	181.537.153	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	1.968.318.326	2.706.012.588
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.034.466.728	44.198.635.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.553.388.756	42.043.520.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	30.553.388.756	41.535.063.985
- Nguyên giá	222		78.849.343.374	78.420.124.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.295.954.618)	(36.885.060.664)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	1.000.011
- Nguyên giá	228		12.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	(10.999.989)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	507.456.961
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.481.077.972	2.155.114.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		383.773.889	1.064.644.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.6	890.304.083	962.970.403
3. Tài sản dài hạn khác	268		207.000.000	127.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.742.827.365	63.066.110.238

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.593.988.555	29.933.004.588
I. Nợ ngắn hạn	310		12.670.413.599	20.920.232.078
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.8	2.935.000.000	7.302.805.093
2. Phải trả người bán	312	4.9	2.840.582.712	3.593.618.817
3. Người mua trả tiền trước	313		3.148.788	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.10	497.016.315	2.644.887.374
5. Phải trả người lao động	315		517.559.305	159.173.297
6. Chi phí phải trả	316	4.11	4.267.813.463	5.078.753.810
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.12	1.590.937.077	2.039.718.611
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.355.939	101.275.076
II. Nợ dài hạn	330		3.923.574.956	9.012.772.510
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	5.380.642.133
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	4.13	3.923.574.956	3.632.130.377
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.148.838.810	33.133.105.650
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	33.148.838.810	33.133.105.650
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.308.662.027	1.085.490.732
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		444.275.812	369.885.380
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.395.900.971	1.677.729.538
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.742.827.365	63.066.110.238

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Vũ Đức Trường
Kế toán trưởng

Đào Kim Oanh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	36.337.217.407	35.395.898.961
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	182.913.736	467.110.344
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	36.154.303.671	34.928.788.617
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.913.644.237	18.912.379.730
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.240.659.434	16.016.408.887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.817.373	22.937.960
7. Chi phí tài chính	22		1.553.578.764	3.756.795.291
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.553.578.764	3.752.025.291
8. Chi phí bán hàng	24	5.3	4.124.687.221	2.644.980.548
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	8.958.696.643	7.600.107.581
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		610.514.179	2.037.463.427
11. Thu nhập khác	31		58.582.828	1.239.883
12. Chi phí khác	32		373.170.330	104.635.716
13. Lỗ khác	40		(314.587.502)	(103.395.833)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		295.926.677	1.934.067.594
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	58.746.334	576.723.673
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.6	72.666.320	(130.464.712)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		164.514.023	1.487.808.633
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	55	496

Vũ Hữu Thịnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Vũ Đức Trường
 Kế toán trưởng

Đào Kim Oanh
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45.553.424.448	33.708.587.265
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(25.770.660.215)	(20.219.150.972)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.467.396.605)	(3.686.772.809)
4. Chi trả tiền lãi vay	04		(2.116.598.078)	(3.214.861.115)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	5.5	(1.937.933.880)	(770.295.089)
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(198.190.640)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.062.645.030	5.817.507.280
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	4.7	(203.040.911)	(1.183.799.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài	22		23.000.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.817.373	22.937.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(173.223.538)	(1.160.861.130)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của CSH	31		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.235.000.000	8.450.225.132
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.983.447.226)	(16.796.466.808)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã chia cho chủ sở hữu	36		(718.965.000)	(2.455.680.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.467.412.226)	(10.801.921.676)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.422.009.266	(6.145.275.526)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	591.504.609	6.736.780.135
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	2.013.513.875	591.504.609

Vũ Hữu Thịnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Vũ Đức Trường
 Kế toán trưởng

Đào Kim Oanh
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103012994 ngày 29/06/2006 của Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 1	Ngày 06/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 2	Ngày 13/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 3	Ngày 06/06/2007
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 4	Ngày 30/05/2008
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 5	Ngày 23/03/2010

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 23/08/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 594/QĐ-SGDHN.

Ngày 16/09/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lưu ký chứng khoán số 205/2010/GCNCP-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra công ty có một công ty con là Công ty TNHH Kinh doanh hạ tầng Viễn thông Nisco. Công ty con này đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/10/2012 với vốn điều lệ là 10 tỷ VND. Ngành nghề hoạt động của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ viễn thông; dịch vụ ứng dụng viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm cho thuê hạ tầng mạng); Cho thuê cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

Trong năm 2012 Công ty con này chưa đi vào hoạt động và Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con này.

Trụ sở chính của Công ty đóng tại Tầng 9, Nhà D, Khách sạn Thể Thao, Làng sinh viên Hacinco, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; và Văn Phòng đại diện của Công ty đóng tại 373/14 đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2012 là: 45 người (tại ngày 31/12/2011 là 38 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê cơ sở hạ tầng thiết bị viễn thông;
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị chống sét;
- Xây dựng các công trình viễn thông cột ăng ten;
- Dịch vụ kỹ thuật đo chất lượng thiết bị mạng, chất lượng dịch vụ viễn thông tin học; và
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 7
Máy móc, thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 7

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cho thuê tài sản trong kỳ là số tiền cho thuê tài sản được xác định tương ứng với thời gian trong kỳ kế toán theo nguyên tắc làm tròn tháng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.9 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ: Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 Thuế (Tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cho thuê trạm 10%
- Các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Công cụ tài chính (tiếp)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Báo cáo chuẩn bị phát hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	13.150.100	163.981.935
Tiền gửi ngân hàng	2.000.363.775	427.522.674
Cộng	2.013.513.875	591.504.609

4.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	-	2.258.200.747
Công ty TNHH Thiên Việt	-	2.258.200.747
Phải thu của khách hàng	3.899.727.437	4.157.953.210
Trung tâm Thông tin Di động khu vực I	56.426.700	819.189.752
Trung tâm Thông tin Di động khu vực II	837.390.496	131.230.769
Trung tâm Thông tin Di động khu vực IV	1.061.308.598	26.540.695
Trung tâm Thông tin Di động khu vực V	-	290.692.312
Trung tâm Thông tin Di động khu vực VI	504.527.237	1.292.265.157
Cty CP ĐTPT Công nghệ Điện tử Viễn thông	260.682.246	-
Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone	20.241.614	980.886.525
Cty CP Công nghệ Quang Dũng miền Bắc	200.992.470	-
Cty Viễn thông Viettel	96.902.246	-
Trung tâm Dịch vụ viễn thông KV I	56.229.538	-
Các khách hàng khác	805.026.292	617.148.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(193.574.418)	-
Cộng	3.706.153.019	6.416.153.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội	-	59.989.400
Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến	143.568.000	357.358.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	-	50.000.000
Các trạm BTS (*)	6.084.270.662	5.530.604.577
Các nhà cung cấp khác	203.952.012	275.455.888
Cộng	6.431.790.674	6.273.407.865

(*) Đây chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn của người bán tại thời điểm ngày 31/12/2012.

4.4 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Phải thu khác của bên thứ ba	1.577.361.876	1.762.084.737
Phải thu tiền điện các trạm	931.638.632	963.578.304
Công ty CP Đầu tư Hải Hòa	5.916.714	69.222.257
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực IV	142.348.835	142.348.835
Cty CP Đầu tư xây dựng dân dụng Hà Nội	68.285.455	-
Phải thu khác	429.172.240	586.935.341
Cộng	1.577.361.876	1.762.084.737

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền thuê mặt bằng	235.500.950	431.900.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.594.184.764	164.823.202
Cộng	1.829.685.714	596.723.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	1.968.318.326	2.704.021.948
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.990.640
Cộng	1.968.318.326	2.706.012.588

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	75.789.174.726	2.156.877.886	474.072.037	78.420.124.649
Mua sắm mới	-	-	203.040.911	203.040.911
XDCB hoàn thành	507.456.961	-	-	507.456.961
Thanh lý, nhượng bán	(169.142.480)	(112.136.667)	-	(281.279.147)
Tại ngày 31/12/2012	76.127.489.207 (*)	2.044.741.219	677.112.948	78.849.343.374
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	35.461.453.047	1.106.261.365	317.346.252	36.885.060.664
Trích khấu hao	11.178.277.880	328.565.515	122.397.541	11.629.240.936
Thanh lý, nhượng bán	(111.817.174)	(106.529.808)	-	(218.346.982)
Tại ngày 31/12/2012	46.527.913.753	1.328.297.072	439.743.793	48.295.954.618
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	40.327.721.679	1.050.616.521	156.725.785	41.535.063.985
Tại ngày 31/12/2012	29.599.575.454	716.444.147	237.369.155	30.553.388.756

(*): Bao gồm các tài sản cố định là các trạm BTS hầu hết do Công ty tự xây dựng và được ghi nhận vào tài sản cố định - Nhà cửa vật kiến trúc.

Tổng nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là: 361.318.525 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	1.435.000.000	2.120.599.368
Các khoản vay Ngân hàng	-	1.008.527.368
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	20.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế	-	1.008.507.368
Các khoản vay cá nhân (*)	1.435.000.000	1.112.072.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.500.000.000	5.182.205.725
Các khoản vay Ngân hàng	-	3.165.005.725
Các khoản vay Công ty Tài chính Bưu điện	-	2.017.200.000
Vay cá nhân (*)	1.500.000.000	-
Cộng	2.935.000.000	7.302.805.093

(*) Bao gồm các khoản vay huy động từ cán bộ nhân viên trong Công ty và các cá nhân khác có thời hạn từ 3 đến 6 tháng, với lãi suất từ 16%-21,5% năm. Các khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động và không có tài sản thế chấp.

4.9 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Công ty CP XD & PT Đô thị Quảng Ninh	-	215.206.000
Công ty CPTM & DVKT PT truyền hình	-	69.156.389
Công ty TNHH TM SX XD KHKT MT Đăng Quang	-	213.790.000
Công ty viễn thông VTC	403.201.717	398.601.717
Công ty CP ĐTXD & Thương mại Sơn Hà	12.927.000	316.594.100
Công ty CP XD và Thương mại Việt Vương	-	130.923.028
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông VTC tại HN	80.236.038	401.180.190,00
Công ty CP Đầu tư xây dựng dân dụng Hà Nội	75.114.000	-
Công ty TNHH Hệ thống Tin học Viễn thông NDS	131.677.570	-
Công ty TNHH một TVTM DV Khiết Tâm	144.800.000	-
Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội	116.780.414	-
Công ty CPTM và XL Cơ điện Toàn Phát	104.500.000	-
Các Trạm BTS (*)	1.404.275.762	1.320.499.320
Các nhà cung cấp khác	367.070.211	527.668.073
Cộng	2.840.582.712	3.593.618.817

(*) Chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm công ty chưa trả đến ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	373.119.720	938.427.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.697.650.393
Thuế thu nhập cá nhân	123.896.595	8.809.061
Cộng	497.016.315	2.644.887.374

4.11 Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay phải trả	322.644.693	885.603.796
Chi phí thuê mặt bằng trạm (*)	3.902.484.735	4.147.080.014
Chi phí khác	42.684.035	46.070.000
Cộng	4.267.813.463	5.078.753.810

(*): Chi phí thuê mặt bằng trạm làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo thuyết minh 5.6 “Chi phí thuê thu nhập hoãn lại”.

4.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	62.049.460	100.545.125
Phải trả tiền điện các trạm	1.231.632.617	922.953.486
Tiền cổ tức từ năm 2008 - 2010	297.255.000	1.016.220.000
Cộng	1.590.937.077	2.039.718.611

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2012 là khoản doanh thu do khách hàng ứng trước tiền thuê các trạm BTS của Công ty và thực hiện phân bổ doanh thu vào kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu

4.14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của	Quỹ đầu tư	Quỹ dự	Lợi nhuận chưa	Cộng
	chủ sở hữu	phát triển	phòng	phân phối	
	VND	VND	tài chính	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	30.000.000.000	401.936.252	142.033.887	4.557.029.864	35.101.000.003
Lãi tăng trong năm	-	-	-	1.487.808.633	1.487.808.633
Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chia các quỹ	-	683.554.480	227.851.493	(1.367.108.959)	(455.702.986)
Tại ngày 31/12/2011	30.000.000.000	1.085.490.732	369.885.380	1.677.729.538	33.133.105.650
Tại ngày 01/01/2012	30.000.000.000	1.085.490.732	369.885.380	1.677.729.538	33.133.105.650
Lãi trong năm	-	-	-	164.514.023	164.514.023
Chia các quỹ (*)	-	223.171.295	74.390.432	(446.342.590)	(148.780.863)
Tại ngày 31/12/2012	30.000.000.000	1.308.662.027	444.275.812	1.395.900.971	33.148.838.810

(*): Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã quyết định trích lập các quỹ chi tiết như sau:

- ✓ Quỹ khen thưởng phúc lợi : 148.780.863 VND
- ✓ Quỹ dự phòng tài chính : 74.390.432 VND
- ✓ Quỹ đầu tư phát triển : 223.171.295 VND

4.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên Cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Cổ phần	tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	Cổ phần	%	VND	%	VND	%
Cty Tài chính Bưu điện	600.000	20,00%	1.000.000.000	3,33%	1.000.000.000	3,33%
Cty TNHH Thiên Việt	600.000	20,00%	1.500.000.000	5,00%	1.500.000.000	5,00%
Cty CP Vật tư Bưu điện	200.000	6,67%	2.000.000.000	6,67%	2.000.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	1.600.000	53,33%	25.500.000.000	85,00%	25.500.000.000	85,00%
Trong đó:						
- Cty CP XD và lắp đặt VT			6.469.000.000	21,56%	6.469.000.000	21,56%
- Ông Nguyễn Xuân Đức			1.600.000.000	5,33%	1.600.000.000	5,33%
Cộng	3.000.000	100%	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.14.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2012 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu		

4.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	164.514.023	1.487.808.633
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	55	496

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	36.337.217.407	35.395.898.961
Doanh thu cho thuê các trạm BTS	34.126.911.812	35.393.297.143
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	2.210.305.595	2.601.818
Các khoản giảm trừ doanh thu	(182.913.736)	(467.110.344)
Giảm giá hàng bán	(182.913.736)	(467.110.344)
Doanh thu thuần	36.154.303.671	34.928.788.617

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn cho thuê trạm BTS	19.347.471.654	18.909.517.730
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	1.566.172.583	2.862.000
Cộng	20.913.644.237	18.912.379.730

5.3 Chi phí bán hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí vật liệu bao bì	521.587.440	73.065.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	14.450.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.857.000	721.568.354
Chi phí bằng tiền khác	2.862.242.781	1.835.897.194
Cộng	4.124.687.221	2.644.980.548

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.183.286.733	3.369.076.237
Chi phí vật liệu văn phòng	-	2.260.909
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	126.065.888	168.938.366
Chi phí khấu hao tài sản	450.963.056	421.953.969
Chi phí dự phòng	193.574.418	-
Thuế và các khoản lệ phí	143.841.230	90.650.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.332.257.200	2.241.697.059
Chi phí khác bằng tiền	1.528.708.118	1.305.530.987
Cộng	8.958.696.643	7.600.107.581

5.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH(TIẾP)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	295.926.677	1.934.067.594
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) LN	-	-
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn	330.431.943	500.936.329
CP không được khấu trừ (không hợp lệ)	330.431.943	500.936.329
Các khoản chênh lệch tạm thời		
Giá vốn trích trước trong năm	7.945.345.592	6.448.138.731
Giá vốn được hoàn nhập trong năm	(8.236.010.871)	(5.926.279.883)
Lợi nhuận sau điều chỉnh	335.693.341	2.956.862.771
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	335.693.341	2.956.862.771
Thuế suất (%)	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	83.923.335	739.215.692
Điều chỉnh theo QT năm 2006-2009	-	59.272.688
Giảm 30% thuế TNDN theo quy định	(25.177.001)	(221.764.707)
Thuế TNDN trong kỳ hiện hành ước tính	58.746.334	576.723.673
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.697.650.393	1.891.221.809
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.937.933.880)	(770.295.089)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	(181.537.153)	1.697.650.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.6 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày	Tại ngày	Năm 2012	Năm 2011
	31/12/2012	01/01/2012		
VND	VND	VND	VND	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	890.304.083	962.970.403	72.666.320	(130.464.712)
Thuế thu nhập hoãn lại kỳ trước	962.970.403	962.970.403	-	(130.464.712)
Thuế TN hoãn lại năm 2012	1.986.336.398	-	(1.986.336.398)	-
H/nhập thuế hoãn lại do có hóa đơn (2.059.002.718)			-	2.059.002.718
			72.666.320	(130.464.712)

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.183.286.733	3.369.076.237
Chi phí vật liệu	521.587.440	78.187.909
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	126.065.888	1.311.131.095
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.629.240.936	11.492.647.305
Thuế và các khoản lệ phí	143.841.230	90.650.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.972.863.685	9.664.742.134
Chi phí khác bằng tiền	4.420.142.189	3.151.033.125
Cộng	33.997.028.101	29.157.467.859

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

6.1.1 Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11 “ Công cụ tài chính”.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính	7.490.603.188	8.769.743.303
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.013.513.875	591.504.609
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.477.089.313	8.178.238.694
Công nợ tài chính	11.634.333.252	23.395.538.464
Các khoản vay	2.935.000.000	12.683.447.226
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	4.431.519.789	5.633.337.428
Chi phí phải trả	4.267.813.463	5.078.753.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC(TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính(Tiếp)

6.1.1 Các loại công cụ tài chính(Tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản chính và công nợ tài chính tại ngày có kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn thương lượng cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý.

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các nghĩa vụ dài hạn có lãi suất thả nổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch bằng tiền khác với VND. Do đó, Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro về giá cho thuê trạm BTS

Hoạt động chủ yếu của Công ty trong năm là hoạt động cho thuê trạm BTS, các hợp đồng cho thuê này là dài hạn, giá cho thuê thường không đổi trong thời hạn hợp đồng nên Ban Giám đốc Công ty đánh giá không bị ảnh hưởng lớn bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị cho thuê trong tương lai.

6. THÔNG TIN KHÁC(TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.1 Công cụ tài chính(Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính(Tiếp)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012	11.634.333.252	-	11.634.333.252
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	4.431.519.789	-	4.431.519.789
Các khoản phải trả	4.267.813.463	-	4.267.813.463
Các khoản vay	2.935.000.000	-	2.935.000.000
Tại ngày 01/01/2012	18.014.896.331	5.380.642.133	23.395.538.464
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	5.633.337.428	-	5.633.337.428
Các khoản phải trả	5.078.753.810	-	5.078.753.810
Các khoản vay	7.302.805.093	5.380.642.133	12.683.447.226

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Công ty Tài chính Bưu điện, Công ty TNHH Thiên Việt và Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện, các thành viên trong Ban giám đốc, Hội đồng quản trị của Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

6. THÔNG TIN KHÁC(TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan(Tiếp)

Chi phí lãi vay thanh toán trong năm

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuê xe ô tô của Ông Đặng Hùng	-	191.764.000
Lãi vay Công ty Tài chính Bưu Điện	500.904.654	1.242.788.092
Lãi vay ông Đặng Hùng	-	47.472.930
Lãi vay ông Hồ Ngân Chi	278.350.000	196.666.666
Lãi vay ông Mai Tuấn Dũng	-	3.702.963
Lãi vay ông Nguyễn Xuân Đức	31.727.082	103.861.110
Lãi vay ông Vũ Hữu Thịnh	46.732.779	-
Cộng	857.714.515	1.786.255.761

Các khoản phải thu

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng	-	2.258.200.747
Công ty TNHH Thiên Việt	-	2.258.200.747
Khoản ký quỹ ký cược	100.000.000	100.000.000
Ký quỹ tại Công ty Tài chính Bưu điện	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	2.358.200.747

Các khoản vay

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Tài chính Bưu Điện	-	3.250.092.920
- Vay dài hạn	-	1.142.892.920
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	2.107.200.000
Vay ngắn hạn cá nhân	1.010.000.000	250.000.000
- Ông Đặng Hùng	300.000.000	250.000.000
- Ông Vũ Hữu Thịnh	710.000.000	-
Cộng	1.010.000.000	3.500.092.920

Thu nhập của Ban Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	832.200.000	599.398.597
Thù lao của Hội đồng Quản trị	120.000.000	220.200.000
Thù lao của Ban kiểm soát	18.000.000	21.500.000
Cộng	970.200.000	841.098.597

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 03 năm 2013, Hội đồng quản trị đã thông qua dự kiến chi trả cổ tức cho năm 2012 theo tỷ lệ là 4% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 03 năm 2013 và Quyết định số 03/2013/QĐ-Nisco, Hội đồng quản trị đã thông qua kế hoạch thành lập Công ty TNHH MTV kinh doanh điện nhẹ và sản phẩm/dịch vụ giáo dục với vốn điều lệ 1.000.000.000 VND và góp vốn thành lập công ty TNHH Phân phối và ứng dụng công nghệ Nisco – DTA với vốn góp là 1.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty thông qua việc thành lập công ty Con - Công ty TNHH Kinh doanh hạ tầng viễn thông Nisco để thực hiện các hoạt động bảo dưỡng các trạm, cho thuê mặt bằng thay cho Công ty.

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ĐTL - Văn phòng Hà Nội.

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Vũ Đức Trường
Kế toán trưởng

Đào Kim Oanh
Người lập

Báo cáo chuẩn bị phát hành